

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ - ST
Ngày 10 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Tú

Ông Nguyễn Văn Mâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị M - Sinh năm 1986 (Có mặt).

Cư trú: ấp P, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn O - Sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp T, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09.11.2022 và các lời khai tại Tòa án, chị Võ Thị M (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh O sống chung như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh O.

- *Về con chung:* Chị Võ Thị M và anh Nguyễn Văn O có 03 con chung tên: Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2007, Nguyễn Như Y, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2012. Hiện nay 03 con chung đang sống chung cùng anh O, sau khi ly hôn chị M đồng ý giao hết ba con chung cho anh O tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chị Võ Thị M xác định trong thời gian chung sống chị và anh O không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Võ Thị M xác định trong thời gian chung sống chị và anh O không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn O, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị M nhưng anh O không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh O tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh O vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn O tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh O vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh O theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp của vụ án*. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị M và anh Nguyễn Văn O kết hôn vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị M và anh O không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì không công nhận chị Võ Thị M và anh Nguyễn Văn O là vợ chồng.

Về con chung: Chị Võ Thị M và anh Nguyễn Văn O có 03 con chung tên: Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2007, Nguyễn Như Y, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2012. Hiện nay 03 con chung đang sống chung cùng anh O, sau khi ly hôn chị M đồng ý giao hết ba con chung cho anh O tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi chị M và anh O ly thân thì con chung do anh O trực tiếp nuôi dưỡng sức khỏe cũng đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 03 cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2007, Nguyễn Như Y, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2012 cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị M xác định trong thời gian chung sống chị và anh O không có tài sản chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Võ Thị M xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh O vắng mặt không có ý kiến về con chung, tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Võ Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị M và anh Nguyễn Văn O là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2007, Nguyễn Như Y, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2012. Chị Võ Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Võ Thị M có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008390 ngày 04 – 10 – 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn O không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Võ Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Tuấn Kiệt